

Cao Bằng, ngày 07 tháng 9 năm 2022

**ĐIỂM THI**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 3 (huyện Nguyên Bình)

Phần E.III - Kiến thức bổ trợ

Ngày thi: 31/8/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Hoàng Thị Ngọc Anh	7,50	Bảy phẩy năm	40	Dương Văn Lành	7,25	Bảy phẩy hai năm
2	Lương Thị Kim Cúc	8,25	Tám phẩy hai năm	41	Đặng Thị Lịch	7,50	Bảy phẩy năm
3	Ngô Đức Chính	5,00	Năm	42	Hà Thị Hồng Linh	7,50	Bảy phẩy năm
4	Nguyễn Văn Chuyên	7,00	Bảy	43	Bàn Thị Lưu	7,50	Bảy phẩy năm
5	Triệu Thị Diệp	7,50	Bảy phẩy năm	44	Tô Thị Mến	8,00	Tám
6	Nguyễn Thị Thu Dung	7,50	Bảy phẩy năm	45	Hoàng Lê Miên	8,00	Tám
7	Hoàng Kim Dung	7,00	Bảy	46	Bé Thị Lê Na	7,75	Bảy phẩy bảy năm
8	Hoàng Thị Dung	7,00	Bảy	47	Chu Thị Nài	8,00	Tám
9	Hoàng Anh Dũng	8,00	Tám	48	Hoàng Thị Nết	8,00	Tám
10	Hoàng Thị Duyên	7,00	Bảy	49	Diêu Thị Nga	7,25	Bảy phẩy hai năm
11	Lê Thị Diệp	8,00	Tám	50	Triệu Thị Nga	8,00	Tám
12	Nông Văn Giang	5,50	Năm phẩy năm	51	Hoàng Thị Nga	8,00	Tám
13	Nông Đức Giáp	8,00	Tám	52	Hoàng Minh Nga	8,25	Tám phẩy hai năm
14	Nông Thị Gióng	6,50	Sáu phẩy năm	53	Chu Thị Ngân	7,00	Bảy
15	Tô Hồng Hạnh	8,00	Tám	54	Triệu Kim Ngân		<i>Chuyển lớp</i>
16	Nông Thị Hằng	7,00	Bảy	55	Nông Thị Ngân	7,50	Bảy phẩy năm
17	Nông Thu Hằng	7,50	Bảy phẩy năm	56	Lương Thị Ngọc	7,50	Bảy phẩy năm
18	Đàm Thị Thúy Hằng	8,00	Tám	57	Hoàng Thị Nha		<i>Hoãn thi</i>
19	Nông Thị Hân	8,00	Tám	58	Lương Thị Phượng	8,00	Tám
20	Đặng Thu Hiền	8,00	Tám	59	Lê Thị Phượng	8,00	Tám
21	Đinh Ích Hiếu	7,25	Bảy phẩy hai năm	60	Ma Thị Quyên	8,00	Tám
22	Đào Thị Hoa	7,75	Bảy phẩy bảy năm	61	Lê Đăng Tiến	8,00	Tám
23	Chu Thị Hoàn	7,75	Bảy phẩy bảy năm	62	Bé Quang Tiến	6,50	Sáu phẩy năm

*ĐHT*

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
24	Cung Lê Hoàng	6,50	Sáu phẩy năm	63	Vi Hữu Toàn	7,75	Bảy phẩy bảy năm
25	Nông Thị Hồng	7,25	Bảy phẩy hai năm	64	Hà Quốc Toàn	8,25	Tám phẩy hai năm
26	Đinh Văn Huấn	8,00	Tám	65	Hoàng Thị Thanh Tuyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm
27	Triệu Ngọc Huấn	7,00	Bảy	66	Hà Thị Tuyết	8,00	Tám
28	Phương Quốc Huy	8,00	Tám	67	Hà Văn Tuynh	7,50	Bảy phẩy năm
29	Đinh Thị Thu Huyền	8,00	Tám	68	Trương Thị Mai Thanh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
30	Nguyễn Thị Minh Huyền	6,50	Sáu phẩy năm	69	Bàn Văn Thắng	7,50	Bảy phẩy năm
31	Tạ Thu Huyền	6,50	Sáu phẩy năm	70	Nông Thị Bích Thu	8,25	Tám phẩy hai năm
32	Đàm Thị Hương	6,25	Sáu phẩy hai năm	71	Lương Thị Thủy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
33	Nguyễn Thanh Hường	7,25	Bảy phẩy hai năm	72	Nguyễn Thị Thúy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
34	Hoàng Thị Hường	8,00	Tám	73	Bàn Phúc Thượng	7,50	Bảy phẩy năm
35	Lương Xuân Hường	8,25	Tám phẩy hai năm	74	Lương Văn Trinh	7,50	Bảy phẩy năm
36	Nông Văn Khởi	7,75	Bảy phẩy bảy năm	75	Lý Ngọc Trinh	7,50	Bảy phẩy năm
37	Hoàng Thị Lan	8,00	Tám	76	Nông Thị Uyên	8,00	Tám
38	Lương Thị Lan	6,50	Sáu phẩy năm	77	Phạm Thị Hồng Việt	8,00	Tám
39	Hà Hồng Lan	8,00	Tám	78	Chu Thị Yên	8,00	Tám

Điểm 5,00: 01 điểm; Điểm 5,50: 01 điểm; Điểm 6,25: 01 điểm; Điểm 6,50: 06 điểm; Điểm 7,00: 07 điểm; Điểm 7,25: 25 điểm; Điểm 7,50: 14 điểm; Điểm 7,75: 09 điểm; Điểm 8,00: 27 điểm; Điểm 8,25: 05 điểm./.

**GHI ĐIỂM**

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỜNG PHÒNG**

**HIỆU TRƯỞNG**







**Đoàn Thị Kim Liên**

**Đoàn Thị Vân Thúy**

**Trịnh Thị Ánh Hoa**